TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÙ ĐĂNG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2018/HSST
Ngày: 20/6/2018.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Long.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quang Liêu

2. Ông Nguyễn Mạnh Dũng

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Quốc Bảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa*:** Bà Mai Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 42/2018/HSST ngày 02 tháng 5 năm 2018, đối với các bị cáo:

Họ và tên:

1. Trần Văn M; Sinh năm: 1983, tại tỉnh Ninh Bình

Nơi cư trú: khu H, thị trấn Đ, huyện B, tỉnh B; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 02/12; dân tộc: Kinh; con ông Trần Văn H, sinh năm 1954 và bà Trần Thị C, sinh năm 1961; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

2. **Trần Quốc V; Sinh năm: 1993, tại tỉnh Ninh Bình.**

Nơi cư trú: khu H, thị trấn Đ, huyện B, tỉnh B; nghề nghiệp: cửa sát; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: Kinh; con ông Trần Văn H, sinh năm 1954 và bà Trần Thị C, sinh năm 1961; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

3. **Trần Văn T; Sinh năm: 1996, tại tỉnh Ninh Bình**

Nơi cư trú: khu H, thị trấn Đ, huyện B, tỉnh B; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: Kinh; con ông Trần Văn H, sinh năm 1954 và bà Trần Thị C, sinh năm 1961; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

- *Người bị hại:* chị Bùi Thị L; Sinh năm: 1981 (Có mặt)

Trú tại: khu H, thị trấn Đ, huyện B, tỉnh B.

- Những người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng:

1/ anh Võ Đức M; Sinh năm: 1978 (Có mặt)

2/ anh Võ Đức H; Sinh năm: 1980 (Có mặt)

Cùng trú tại: khu H, thị trấn Đ, huyện B, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Trần Văn M, Trần Quốc V và Trần Văn T là ba anh em ruột. Khoảng 21 giờ ngày 23/3/2018, M rủ V và T đi lấy trộm hạt điều về bán lấy tiền tiêu xài thì V và T đồng ý. Khi đi M cầm theo 03 cái giỏ nhựa, 02 cái bao và 01 đèn pin. M, V và T đi bộ về hướng xã Đoàn Kết, huyện Bù Đăng (cách nhà khoàng 02 km). Khi đến vườn điều nhà bà Bùi Thị L thuộc thôn A, xã Đ thấy có điều rụng nên M, V và T vào nhặt. Cả ba nhặt hạt điều đến gần 01 giờ sáng ngày 24/3/2018 thì được gần 02 bao điều. Lúc này anh Võ Đức M đi trông coi rẫy điều phát hiện thấy có ánh sáng đèn pin nên về gọi em trai là Võ Đức H ra coi. Anh M và anh H ra rẫy thì gặp M, V, T đang ngồi nghỉ, bên cạnh là 02 bao điều. Thấy hai anh đến M, V và T bỏ điều lại rồi đi về. Sáng ngày 24/3/2018, anh M đem hạt điều đến Công an thị trấn Đức Phong trình báo sự việc. Ngày 24/3/2018, Trần Văn M, Trần Quốc V và Trần Văn T ra đầu thú.

Căn cứ kết luận định giá tài sản ngày 11/4/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bù Đăng xác định: 02 bao hạt điều tươi có trọng lượng 63,4kg có giá trị là 2.314.100đ (Hai triệu ba trăm mười bốn ngàn một trăm đồng).

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình nêu trên. Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm về tội danh đã truy tố đối với các bị cáo.

Vật chứng vụ án: 02 bao hạt điều tươi có trọng lượng 63,4kg đã trả cho chủ sở hữu hợp pháp; 03 giỏ nhựa màu đỏ; 01 đèn pin dùng để đội đầu (Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bù Đăng đã chuyển Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng).

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản không có yêu cầu gì.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến về vật chứng đã bị thu giữ. Kiểm sát viên thực hành quyền công tố đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy 03 giỏ nhựa màu đỏ và 01 đèn pin dùng để đội đầu;

Tại bản cáo trạng số: 40/CT –VKS.BĐ ngày 02/5/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng truy tố các bị cáo Trần Văn M, Trần Quốc V và

Trần Văn T về "Tội trộm cắp tài sản" theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát khẳng định nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật, vì vậy đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Về tội danh đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Trần Văn M, Trần Quốc V và Trần Văn T phạm "Tội trộm cắp tài sản"; về hình phạt, áp dụng Khoản 1 Điều 173, các điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Trần Văn M từ 07 tháng 09 tháng tù. Áp dụng Khoản 1 Điều 173, các điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt các bị cáo Trần Quốc V, Trần Văn T từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Về vật chứng vụ án đề nghị tịch thu tiêu hủy 03 giỏ nhựa màu đỏ và 01 đèn pin dùng để đội đầu; Về án phí buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Các bị cáo Trần Văn M, Trần Quốc V và Trần Văn T thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố, không có ý kiến tranh luận về tội danh, hình phạt và các vấn đề khác đối với đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng, các bị cáo hối hận về hành vi của mình và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo,

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi tại phiên tòa, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện Bù Đăng, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Khoảng 21 giờ ngày 23/3/2018, Trần Văn M rủ Trần Quốc V và Trần Văn T đi lấy trộm hạt điều về bán lấy tiền tiêu xài thì V và T đồng ý. Sau đó M cùng V và T đến vườn điều nhà bà Bùi Thị L thuộc thôn A, xã Đ, huyện Bù Đăng thấy có điều rụng không có người trông coi nên lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản của người bị hại, các bị cáo M, V và T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản là 02 bao hạt

điều tươi có trọng lượng 63,4kg có giá trị là 2.314.100đ (Hai triệu ba trăm mười bốn ngàn một trăm đồng).

Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở khẳng định hành vi của các bị cáo Trần Văn M, Trần Quốc V và Trần Văn T đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168,169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

d) Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ;

đ) Tài sản là di vật, cổ vật.

Như vậy, nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo đã có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Tuy nhiên chỉ vì lười lao động nhưng lại muốn được hưởng thụ, các bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến tài sản của người khác, đây là quyền về tài sản được pháp luật bảo vệ. Ngoài ra hành vi của các bị cáo còn làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự trị an tại địa phương.

Đây là vụ án có đồng phạm mang tính giản đơn, nên cần phải phân tích vai trò của từng bị cáo để cá thể hóa hình phạt. Đối với bị cáo Trần Văn M là người khởi xướng, đồng thời tham gia vai trò thực hành; Đối với bị cáo Trần Quốc V và Trần Văn T là đồng phạm tham gia vai trò thực hành.

[3] Về nhân thân và tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội các bị cáo đã T khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015; sau khi phạm tội các bị cáo đã ra đầu thú, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị

cáo là tình tiết giảm nhẹ quy định tại Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015.

Sau khi cân nhắc mức độ hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo và tình tiết giảm nhẹ mà các bị cáo được hưởng, Hội đồng xét xử thấy cần xử các bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội để giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Về vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự 2015, điểm c Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự 2015: cần tịch thu tiêu hủy 03 giỏ nhựa màu đỏ và 01 đèn pin dùng để đội đầu hiện không có giá trị và không sử dụng được.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại chị Bùi Thị L không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Quan điểm xử lý vụ án về hình phạt của Đại diện Viện kiển sát tham gia phiên tòa đối với bị cáo M có phần nghiêm khắc, không tương xứng với hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo M nên không được Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Đối với các vấn đề khác phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố các bị cáo Trần Văn M, Trần Quốc V và Trần Văn T phạm “Tội trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 173, các điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Trần Văn M 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thủ thách là 18 (mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Trần Quốc V 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thủ thách là 12 (mười hai) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thủ thách là 12 (mười hai) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Trần Văn M, Trần Quốc V và Trần Văn T về Ủy ban nhân dân thị trấn Đức Phong, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 của luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[2] Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015, điểm c Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự 2015;

Tuyên tịch thu tiêu hủy 03 giỏ sách bằng nhựa màu đỏ và 01 đèn pin dùng để đội đầu.

(theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 0009594 ngày 23/4/2018 giữa cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bù Đăng và Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng).

[3] Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Trần Văn M, Trần Quốc V và Trần Văn T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Công an tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- CCTHADS huyện Bù Đăng;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thành Long